

Hoài Đức, ngày 21 tháng 5 năm 2025

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ các Điều 463, 466, 317 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 3 Điều 147, Điều 212, Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ điểm đ khoản 1, khoản 3 Điều 12, điểm b khoản 1 Điều 24, khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và điểm b khoản 1.4 điều 1, Phần II Mục A Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 13 tháng 5 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 02/2025/TLST-KDTM ngày 31 tháng 3 năm 2025 về việc “*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*”.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

I. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Công ty A;

Trụ sở: Lô 02- 9A, Khu công nghiệp quận H.M, phường H.V.T, quận H. M, thành phố H.N; Đại diện theo pháp luật: Ông T.T.X, chức vụ: Tổng Giám đốc; Đại diện theo uỷ quyền: Ông T.V.T, bà N.T.M.K; Địa chỉ liên lạc: Tầng 2 Tòa A Chung cư Bộ Công an, ngõ 282 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, TP Hà Nội (Giấy uỷ quyền ngày 19/5/2023).

Bị đơn: Công ty B;

Trụ sở: Thôn An Hạ, xã An Thượng, huyện Hoài Đức, thành phố Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông H.Q.T, chức vụ: Tổng Giám đốc; Đại diện theo

ủy quyền: Ông B.T.C, chức vụ: Nhân viên (Văn bản ủy quyền số 06/UQ/2025 ngày 22/4/2025 của Công ty B).

II. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

[2.1] Công ty B phải thanh toán cho Công ty A tổng số tiền **24.640.433.730 đồng** (*Hai mươi tư tỷ, sáu trăm bốn mươi triệu, bốn trăm ba mươi ba nghìn, bảy trăm ba mươi đồng*), (trong đó: Số tiền nợ gốc còn phải thanh toán theo Hợp đồng mua bán nhựa đường lỏng số 35/2019/ICT-HA ngày 02/01/2019 và các Phụ lục hợp đồng là 16.858.028.700 đồng (*Mười sáu tỷ, tám trăm năm tám triệu, không trăm hai tám nghìn, bảy trăm đồng*); Số tiền lãi chậm thanh toán tính từ ngày 01/10/2020 đến ngày 13/05/2025 là 7.782.405.030 đồng (*Bảy tỷ, bảy trăm tám mươi hai triệu, bốn trăm linh năm nghìn, không trăm ba mươi đồng*)).

[2.2] Kể từ sau ngày 13/05/2025, Công ty B phải tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh trên dư nợ chưa thanh toán với mức lãi suất là 10%/năm cho đến khi Công ty B thanh toán xong dư nợ gốc.

[2.3] Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

[2.4] Về án phí:

- Công ty B phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm số tiền là **66.320.217 đồng** (*Sáu mươi sáu triệu ba trăm hai mươi nghìn hai trăm mười bảy đồng*).

- Công ty A được nhận lại số tiền tạm ứng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm đã nộp là 62.429.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0038992 ngày 31/3/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hoài Đức, Hà Nội.

III. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hoài Đức;
- Chi cục THADS huyện Hoài Đức;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

THẨM PHÁN

Cao Thu Hoài